

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3118 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 16 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Nạo vét và tận dụng khoáng sản cát xây dựng trong lòng hồ Tà Pao”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường
chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019
của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về
sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn
thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan
trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác
động môi trường của Dự án Nạo vét và tận dụng khoáng sản cát xây dựng
trong lòng hồ Tà Pao tại xã Đồng Kho và xã Đức Bình, huyện Tánh Linh, tỉnh
Bình Thuận họp vào ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại phòng họp Ủy ban nhân
dân xã Đồng Kho;*

*Theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nạo
vét và tận dụng khoáng sản cát xây dựng trong lòng hồ Tà Pao tại xã Đồng
Kho và xã Đức Bình, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận đã được chỉnh sửa, bổ
sung gửi kèm theo nội dung giải trình tại Công văn số 78/TTr.HĐ ngày 05
tháng 11 năm 2020 và Công văn số 81/TTr.HĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020
của Công ty TNHH Thiết kế - Xây dựng và Thương mại Hoài Đức;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 519/TTr-STNMT ngày 07 tháng 10 năm 2020, Công văn số 5626/STNMT-CCBVMT ngày 08 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nạo vét và tận dụng khoáng sản cát xây dựng trong lòng hồ Tà Pao (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thiết kế - Xây dựng và Thương mại Hoài Đức (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Đồng Kho và xã Đức Bình, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Giấy xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường số 892/GXN-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Tánh Linh./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCTUBND tỉnh Lê Tuấn Phong;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Quỹ Bảo vệ môi trường;
- UBND huyện Tánh Linh;
- UBND xã Đồng Kho và xã Đức Bình;
- Công ty TNHH TK XD và TM Hoài Đức;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban
Nhân dân tỉnh
Bình Thuận
Ngày ký:
16.12.2020
10:51:28 +07:00

Lê Tuấn Phong

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 3118 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: Nạo vét và tận dụng khoáng sản cát xây dựng trong lòng hồ Tà Pao.

- Chủ dự án: Công ty TNHH Thiết kế - Xây dựng và Thương mại Hoài Đức.

- Địa chỉ liên hệ: Thôn 4, xã Đức Tân, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Người đại diện: Ông Hồ Văn Đức

- Điện thoại: 0904.471.750.

- Mục tiêu dự án: Nạo vét làm giảm khối lượng bùn cát bồi lắng và làm tăng dung tích tích nước của lòng hồ Đập; tận dụng cát bồi để tránh lãng phí tài nguyên, đáp ứng nhu cầu cát xây dựng đang thiếu hụt tại địa phương.

- Phạm vi: Dự án thuộc lòng hồ công trình hệ thống thủy lợi Tà Pao có diện tích nạo vét là 3,3 ha với chiều dài là 1,8 km, chiều rộng nạo vét bình quân 18,5 m và Khu vực bãi tập kết có diện tích 1,5 ha. Phạm vi dự án được giới hạn các mốc tọa độ:

Điểm góc	Tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực 108 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
1	1.231.160,69	417.708,02
2	1.232.360,35	417.992,22

- Quy mô công suất:

+ Công suất nạo vét cát nguyên khối: 19.800 m³/năm.

+ Công suất nạo vét cát nguyên khai: 22.275 m³/năm (Hệ số nở rời của cát: 1,125).

+ Công suất cát sau thu hồi: 19.068 m³/năm.

+ Công suất nạo vét: 90 m³/ngày.

+ Thời gian nạo vét là 02 năm theo Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Công nghệ khai thác: Quá trình triển khai thực hiện nạo vét trong điều kiện ngập nước nên công nghệ sản xuất được vận dụng tại Dự án là sử dụng ghe hút cát và vận chuyển cát về bãi tập kết.

- Công trình chính: Gồm khu vực nạo vét có diện tích là 3,3 ha và diện tích bãi chứa cát là 1,5 ha (gồm 02 bãi tập kết).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án: Gồm tác động từ nước thải sinh hoạt, chất thải rắn (sinh hoạt, chất thải sản xuất, nguy hại, ...), bụi trong quá trình vận chuyển, khí thải (phát sinh từ hoạt động của các phương tiện nạo vét, lưu thông,...).

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng nước sử dụng hàng ngày khoảng 1,7 (m³/ngày.đêm); thành phần chủ yếu chứa một lượng lớn các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD₅) và các vi khuẩn E.Coli.

- Nước thải từ hoạt động bơm hút của các ghe thực hiện nạo vét với các thành phần như sau: Nước làm mát máy với khối lượng khoảng 02 m³/ngày; nước dẫn tàu 0,4 m³/năm; nước vệ sinh boong, két hầm dầu khoảng 04 m³/ngày; nước xả thải dầu cặn 0,01 m³/ngày; nước thải từ hoạt động bơm đẩy bùn cát lên bãi tập kết trên bờ 950 m³/năm (03 đến 05 m³/ngày). Đặc trưng của nước thải trong giai đoạn hoạt động chứa một lượng lớn các chất như: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (BOD₅), dầu nhớt,...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Nguồn phát sinh bụi từ các phương tiện vận chuyển sản phẩm từ các bãi tập kết tới nơi tiêu thụ sẽ làm phát sinh lượng bụi vào không khí dọc đường vận chuyển.

- Nguồn phát sinh khí thải từ hoạt động của ghe, máy bơm hút, máy xúc, xe tải (khí SO₂, NO₂, CO, CO₂,..., bụi) phục vụ cho quá trình thi công nạo vét, tác động đến môi trường không khí chủ yếu là do khói thải, tiếng ồn, rung của các động cơ đốt trong và trong quá trình vận chuyển bùn cát nạo vét. Các tác động có thể gây ra là ô nhiễm không khí do khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn phát sinh chủ yếu của dự án là từ quá trình nạo vét gồm:

- Bùn đất trầm tích đáy trong khu vực dự án không có kim loại nặng. Đối với rác thải hữu cơ và vô cơ lẫn trong vật liệu nạo vét chiếm lượng nhỏ khoảng 14,4%; thành phần chủ yếu là các loại rong rêu, rác thải thực vật, vỏ ốc,...

- Chất thải phát sinh từ quá trình tháo dỡ các lán trại, thành phần chủ yếu là sắt, thép, gỗ vụn,... Khối lượng chất thải rắn do hoạt động tháo dỡ ước tính chỉ khoảng 800 kg.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại trong giai đoạn này phát sinh khoảng 08 kg/tháng, thành phần là giẻ lau dính dầu nhớt, dầu nhớt rỉ ra trong quá trình nạp nhiên liệu và vận hành máy, bóng đèn,...

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác (nếu có): Chất thải khác trong giai đoạn này chủ yếu là chất thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại dự án với tổng khối lượng 8,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là các loại bao bì, vỏ cơm hộp, thức ăn thừa,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Trên các ghe bơm hút trang bị 1 nhà vệ sinh di động bằng vật liệu composite để chứa chất thải sinh hoạt của công nhân. Chủ dự án sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý với thời gian trung bình 2 tuần/1 lần.

- Nước thải từ hoạt động vận chuyển của ghe:

+ Thu hồi dầu mỡ, nhớt thải từ các thiết bị máy móc trên ghe khi có dấu hiệu rò rỉ.

+ Thường xuyên bảo trì các thiết bị, máy móc trên ghe để không chế không cho nhiên liệu rò rỉ, thất thoát trên ghe đổ xuống lòng hồ.

+ Làm vệ sinh kết nước dẫn, loại bỏ bùn và cặn phù sa lắng đọng trong kết thường xuyên.

+ Nước dẫn tàu được bơm tại vùng nước sạch. Không xả nước dẫn tàu, đưa nước lên thiết bị tiếp nhận trên bờ, lưu giữ lượng nước dẫn tàu này. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý lượng nước này 03 tháng/lần.

- Xử lý nước thải từ hoạt động bơm đẩy bùn cát lên bãi tập kết và nước mưa chảy tràn trên mặt bằng các bãi tập kết:

+ Tại khu vực bãi tập kết:

Nước xung quanh bãi tập kết được dẫn dòng theo rãnh thoát nước chảy về hố lắng (rãnh thoát nước có chiều dài 200 m, rộng đáy 0,3m, sâu 0,5m; hố lắng có diện tích 50 m², sâu 1 m với dung tích 50 m³).

Hố lắng được đặt tại các bãi tập kết, hố lắng có thời gian lưu chứa nước từ 06 giờ đến 10 giờ để làm giảm tốc độ chảy của nước và tăng thời gian lắng đọng của các hạt cát, hạt lơ lửng kèm theo nhằm làm sạch nước trước khi chảy trả về hồ.

Định kỳ hàng tháng, Chủ Dự án tăng cường nạo vét hệ thống thu gom thoát nước, hồ lắng tại khu vực bằng xe đào có sẵn tại mỗi bãi tập kết để cải thiện chất lượng nước sau xử lý.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Sử dụng các loại nhiên liệu đốt có hàm lượng lưu huỳnh thấp.
- Bố trí ống khói thải của ghe hút, bơm hút lên cao từ 3m đến 5m để thuận tiện cho việc phát tán và pha loãng khí thải vào môi trường không khí; thường xuyên cho dầu mỡ, duy tu máy móc.

- Thực hiện tưới nước giảm thiểu bụi, lập nội quy về tốc độ vận chuyển và thực hiện việc duy tu tuyến đường ra vào Dự án thường xuyên. Đối với công tác tưới đường:

- + Vị trí tưới: đoạn đường đất pha sỏi dài 300m rộng 3m từ mỏ ra đường nhựa.

- + Tần suất tưới 2 lần/ngày. Khối lượng nước tưới trung bình khoảng 2,7 m³/ngày. Trong trường hợp thời tiết nắng nóng, gió lớn, Công ty sẽ chủ động tăng số lần tưới để đảm bảo hạn chế tối đa lượng nước phát sinh.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Tiến hành thu gom, phân loại, lưu trữ và xử lý toàn bộ chất thải rắn theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này, đảm bảo các yêu cầu về môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường như:

- Chất thải do hoạt động nạo vét: Cuối ngày, bố trí công nhân thu dọn rác trên ghe hút, đối với rác hữu cơ sẽ được phơi khô cạnh bãi tập kết và đốt bỏ, trong quá trình đốt phải có người giám sát chặt chẽ. Đối với rác vô cơ là bọ ni lông sẽ được mang đi lưu chứa trong thùng cùng với rác thải sinh hoạt của công nhân đặt tại lán trại, hợp đồng cùng với đơn vị xử lý rác thải sinh hoạt với địa phương định kỳ mang đi tiêu hủy theo đúng quy định.

- Chất thải từ quá trình tháo dỡ: Chủ Dự án sẽ tiến hành thu gom và bán cho các cơ sở kinh doanh phế liệu lân cận.

3.4. Các công trình biện pháp thu gom, xử lý, quản lý chất thải nguy hại:

Chủ đầu tư tiến hành quản lý và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại như:

- Thu gom lượng dầu mỡ thải, giẻ lau, bóng đèn,... vào các thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt đặt riêng trên ghe, từng loại chất thải nguy hại được phân loại vào các thùng riêng biệt và được dán nhãn mác.

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích xây dựng: 10 m².

- Đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận. Hợp đồng với công ty có chức năng về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, mỗi lần giao nhận chất thải nguy hại phải có chứng từ chất thải nguy hại, định kỳ báo cáo quản lý chất thải gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác (nếu có):

Trên mỗi ghe hút bố trí 1-2 thùng rác có nắp đậy dung tích 20-50 lít để ở vị trí thuận tiện cho việc thu gom. Rác thải định kỳ 2-3 ngày sẽ vận chuyển lên bờ tập trung cùng với rác sinh hoạt và được đốt bỏ tại khu vực Dự án. Nơi lưu trữ thùng rác phải có mái che nhằm hạn chế chất thải theo nước mưa chảy tràn xuống lòng hồ.

3.6. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.6.1. Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn, rung từ quá trình thi công và trong giai đoạn vận hành, Chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị nhằm hạn chế tiếng ồn do phương tiện thi công tạo ra; không sử dụng các máy móc, phương tiện gây ồn lớn vượt quá mức tiêu chuẩn cho phép.

- Đối với các thiết bị, máy móc có phát sinh độ ồn lớn như ghe, máy bơm hút cát,... thường xuyên kiểm tra các khớp nối, bôi trơn định kỳ, vận hành theo đúng hồ sơ hướng dẫn kỹ thuật để hạn chế tiếng ồn.

- Trong quá trình thi công, đơn vị thi công sẽ hoạt động theo đúng thiết kế đã được phê duyệt; định kỳ giám sát mức độ tiếng ồn để có biện pháp quản lý và xử lý kịp thời.

3.6.2. Các ô nhiễm khác:

- **Biện pháp giảm tác động đến chất lượng nước lòng hồ Tà Pao và hệ sinh thái thủy sinh do hoạt động thi công nạo vét:**

+ Trong quá trình thi công nạo vét, đơn vị thi công sẽ thực hiện theo tiến độ, áp dụng quy trình nạo vét theo đúng phương án đã được cấp có thẩm quyền thẩm định.

+ Không để rò rỉ, rơi vãi dầu nhớt từ ghe thi công xuống mặt nước trong suốt quá trình nạo vét.

+ Nước dẫn từ tàu phải được thu gom, không được xả trực tiếp xuống lòng hồ, thu hồi dầu mỡ, nhớt thải từ các thiết bị máy móc trên ghe khi có dấu hiệu rò rỉ các loại nhiên liệu trên.

+ Không đổ thải chất thải sinh hoạt, chất thải nạo vét và nguy hại xuống lòng hồ.

+ Không tiến hành nạo vét vào những ngày biển động mạnh, có mưa bão lớn.

- Biện pháp giảm tác động do sạt lở, sụt lún bờ sông:

+ Không chế khối lượng nạo vét: Khai thác đúng thiết kế được phê duyệt; trong quá trình nạo vét phải tuyệt đối tuân thủ ranh giới và cao độ nạo vét đã được phê duyệt (độ sâu nạo vét trung bình 1,2m).

+ Trong quá trình nạo vét phải có sự giám sát và hàng tháng được kiểm tra để điều chỉnh tiến độ và tốc độ nạo vét phù hợp với biển động về môi trường. Định kỳ đo lại địa hình đoạn sông khai thác để có kế hoạch khai thác theo một cách chính xác và báo cáo theo đúng định kỳ quy định, ...

+ Không khai thác vào những ngày mưa lớn, lũ về và vào ban đêm; không tập trung nhiều phương tiện tại một chỗ và khai thác nhiều giờ tại cùng một vị trí.

+ Phối hợp với đơn vị thi công hàng ngày giám sát sự cố xói mòn, sạt lở, bồi tụ khu vực trong suốt quá trình thi công. Cắm mốc đo đạc thường xuyên với tần suất 3 tháng/lần để giám sát tình trạng xói lở để kịp thời báo cáo cơ quan chức năng có giải pháp quản lý và khắc phục khu vực xảy ra sạt lở. Trong trường hợp xảy ra sạt lở, Công ty sẽ tiến hành xem xét, xác định nguyên nhân sạt lở và tiến hành gia cố.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Biện pháp phân luồng đảm bảo an toàn giao thông đường thủy:

+ Phải lắp đặt báo hiệu theo đúng quy định của Luật hàng hải tại điểm 2 (thượng nguồn) về điểm 1 (hạ nguồn); có đánh số thứ tự để xác định vị trí khai thác. Lắp bảng thông báo tại bờ sông thuộc phạm vi khu vực khai thác để công khai thông tin Giấy phép khai thác, dự án khai thác cát với các nội dung: tọa độ, diện tích và sơ đồ phạm vi khu vực khai thác; thời gian khai thác; tên, phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác cát.

+ Phương tiện nạo vét có trang bị đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu cảnh báo và đèn hành trình theo đúng Luật hàng hải, luật giao thông đường thủy; bố trí phương tiện nạo vét không làm cản trở đến sự lưu thông của các ghe, thuyền qua lại khu vực.

+ Thông báo tại công trình để các ngư dân và tàu thuyền có nhu cầu giao thông trong khu vực được biết về kế hoạch tiến độ thi công công trình để chủ các phương tiện tàu thuyền chủ động phối hợp điều tiết giao thông thủy.

+ Chủ đầu tư thực hiện việc lập phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy tại khu vực Dự án, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định trước khi đi vào hoạt động.

- Biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ:

+ Chủ đầu tư thường xuyên tổ chức đào tạo, hướng dẫn cho cán bộ, công nhân nắm vững công tác an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy.

+ Nhiên liệu dễ cháy đã được quy hoạch riêng và khu vực này được bố trí thùng chứa cát, bình cứu hỏa; tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy; các máy móc thiết bị làm việc ở nhiệt độ, công suất cao sẽ được quản lý thông qua các hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước. Các thiết bị này được lắp đặt đồng hồ nhiệt và áp suất nhằm giám sát các thông số kỹ thuật để hạn chế cháy nổ.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, tràn dầu:

+ Các ghe nạo vét, xe vận chuyển đều được trang bị vật liệu thấm dầu: giẻ lau, thùng chứa... để gom dầu rơi vãi. Quy định nhân viên tuyệt đối không thải đổ trực tiếp dầu mỡ, giẻ lau dính dầu xuống hồ, mà phải thu gom vào bờ vào cuối mỗi ngày để xử lý theo quy định. Thường xuyên kiểm tra các thùng đựng nhiên liệu, phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ dầu để thu hồi, sang chiết sang các thùng đựng khác.

+ Không được dùng nước để dội rửa tại những vị trí trên ghe có dầu nhớt rò rỉ, rơi vãi.

+ Khi xảy ra sự cố tràn dầu: Tiến hành quây chặn dầu bằng cách sử dụng rào chắn bằng vật liệu thấm hút. Đồng thời cần thông báo ngay đến các cơ quan chức năng của tỉnh về vị trí xảy ra sự cố tràn dầu, quy mô cũng như nguyên nhân xảy ra và triển khai công tác ứng phó sự cố,... Khi hoàn tất hoạt động khắc phục sẽ báo cáo lên các cơ quan chức năng có thẩm quyền về tình hình và kết quả khắc phục sự cố.

3.8. Cải tạo phục hồi môi trường:

3.8.1. Phương án cải tạo phục hồi môi trường được lựa chọn: Sau khi kết thúc nạo vét tiến hành san gạt bãi tập kết trả lại cho địa phương quản lý.

3.8.2. Khối lượng cần cải tạo gồm: Tháo dỡ và thanh lý các công trình phụ trợ; san gạt bãi tập kết và mương dẫn nước và duy tu tuyến đường giao thông vào bãi tập kết.

3.8.3. Kế hoạch thực hiện:

- Giai đoạn 1 (thực hiện trong 6 tháng đầu của việc xây dựng cơ bản mỏ và kết thúc cùng với quá trình xây dựng cơ bản mỏ):

+ Đào mương thoát nước.

+ Đào hồ lắng.

+ Xây móng và hồ vữa.

- Giai đoạn 2 (Sau khi kết thúc khai thác).

+ Tháo dỡ các công trình phụ trợ.

+ San gạt các bãi tập kết.

+ Cải tạo duy tu tuyến đường vận chuyển.

- Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

+ Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 160.127.952 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, chín trăm năm mươi hai đồng*).

- Số lần thực hiện ký quỹ: 01 lần với tổng số tiền ký quỹ là 160.127.952 đồng.

- Thời điểm thực hiện ký quỹ:

+ Lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Những lần tiếp theo: Trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Thuận.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2020.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Do loại hình dự án (nạo vét, tận dụng vật liệu nạo vét) không có công trình bảo vệ môi trường chính và không thuộc đối tượng kiểm tra xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định. Tuy nhiên, phải báo cáo kết quả đầu tư các công trình bảo vệ môi trường phụ của dự án trước khi vào vận hành.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Trong giai đoạn vận hành:

5.1.1. Giám sát chất lượng nước mặt

- Thông số giám sát: pH, độ đục, BOD₅, COD, TSS, DO, sắt tổng, Amoni, Sulfua, dầu mỡ, Coliforms.

- Các vị trí giám sát tại 03 vị trí như sau:

+ 01 điểm tại khu vực đang nạo vét (tại thời điểm lấy mẫu giám sát).

+ 01 điểm cách vị trí nạo vét 100m về phía thượng nguồn Dự án.

+ 01 điểm cách vị trí nạo vét 100m về phía hạ nguồn Dự án.

- Tần số giám sát: 03 tháng/ lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột A2: sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như loại B₁ và B₂.

5.1.2. Giám sát chất lượng nước thải

- Thông số giám sát: pH, tổng phosphore, DO, TSS, BOD₅, COD, NH₃⁻, Fe tổng, dầu mỡ khoáng, Coliform.

- 02 vị trí giám sát tại cửa xả hố lắng của 02 bãi tập kết.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần vào giờ sản xuất.

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn Việt Nam QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (cột A, K= 0,9).

5.1.3. Giám sát chất thải rắn:

- Chủ dự án có kế hoạch giám sát số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn, tại khu vực thi công dự án.

- Nhật ký quản lý chất thải rắn của dự án sẽ được lưu giữ định kỳ và báo cáo với Cơ quan Quản lý môi trường của địa phương.

5.1.4. Các giám sát khác:

- Giám sát sự cố xói mòn, sạt lở, bồi tụ: Chủ Dự án cam kết phối hợp với đơn vị thi công hàng ngày giám sát sự cố xói mòn, sạt lở, bồi tụ khu vực trong suốt quá trình thi công. Cắm mốc đo đạc thường xuyên với tần suất 3 tháng/lần để giám sát tình trạng xói lở để kịp thời báo cáo cơ quan chức năng có giải pháp quản lý và khắc phục khu vực xảy ra sạt lở. Trong trường hợp xảy ra sạt lở, Công ty sẽ tiến hành xem xét, xác định nguyên nhân sạt lở và tiến hành gia cố.

- Giám sát công tác thi công, đổ chất thải nạo vét: Chủ Dự án cam kết thực hiện các công tác giám sát nạo vét theo Quy định tại điều 5 Nghị định 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa, cụ thể như sau:

+ Giám sát chặt chẽ phương tiện thi công nạo vét đảm bảo thi công đúng phạm vi, thiết kế công trình.

+ Giám sát thi công nạo vét bảo đảm các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường và các yêu cầu khác theo quy định pháp luật.

5.2. Thực hiện quản lý, báo cáo định kỳ:

- Chủ dự án tổ chức thực hiện quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý kết quả giám sát, hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ.

- Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định; lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo./.